

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Minh Diệu**.

2. Ông **Triệu Ngọc Vạn**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Hùng**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Ánh L**, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. **Bị đơn:** Anh **Lê Ngọc S**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc Nguyên đơn chị **Trần Thị Ánh L** trình bày: Chị và anh **Lê Ngọc S** tự do, tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn được UBND xã H, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/12/2018. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng chị đã đưa con mới sinh về mẹ đẻ ở thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến

nay không đoàn tụ lần nào, mỗi người một nơi và có cuộc sống riêng. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh Lê Ngọc S.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019. Hiện con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên). Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình làm việc tại Tòa án, Bị đơn anh Lê Ngọc S trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, ly thân như chị L trình bày. Anh cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Chị L tự ý bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Quảng Bình mà không xin phép anh và gia đình anh nên anh xác định chỉ giữ người ở chứ không giữ người đi nên không vào tìm chị L để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không đoàn tụ lần nào, mỗi người sống một nơi và có cuộc sống riêng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019, hiện con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do con chung còn nhỏ, là con gái đang được chị L nuôi dưỡng ổn định nên anh đồng ý giao con chung là Lê Trần Hải V1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh sẽ tự có trách nhiệm với con chung theo điều kiện và khả năng của anh.

Tại phiên Tòa: Chị Trần Thị Ánh L, anh Lê Ngọc S vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S. Đề nghị Tòa án giao con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019 cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên). Chị tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt anh S nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (thành niên).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ánh L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh L và anh Lê Ngọc S; Xử giao cho chị Trần Thị Ánh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Ánh L về việc không yêu cầu anh Lê Ngọc S phải cấp dưỡng cho con; Anh Lê Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Ánh L và anh Lê Ngọc S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện N nơi sinh sống của anh S tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp.

Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị L bỏ về thôn T, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình sinh sống, hai vợ chồng ly thân, không gặp gỡ, quan tâm gì đến nhau. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, anh S cũng xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. HĐXX căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh L và anh Lê Ngọc S.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019. Hiện con chung đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung Lê Trần Hà V và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con, anh S nhất trí. HĐXX xét thấy, con chung Lê Trần Hà V được chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, học tập ổn định từ nhỏ và được bố mẹ chị L hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con. Như vậy, chị L có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, thỏa thuận về việc nuôi con của anh, chị phù hợp với lợi ích của con nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. HĐXX cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Do các đương sự đều không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Ánh L tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ánh L và anh Lê Ngọc S.

2. Về quan hệ con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho chị Trần Thị Ánh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lê Trần Hà V, sinh ngày 23/6/2019 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của Trần Thị Ánh L về việc không yêu cầu anh Lê Ngọc S phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ánh L tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí kí hiệu BLTU/23 số 0003639 ngày 19 tháng 7 năm 2024. Hoàn trả lại chị Trần Thị Ánh L số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long